

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán chi phí phục vụ công tác bồi thường GPMB
Công trình: Hệ thống Thủy lợi Ba Veng, xã Minh Tâm, huyện Bình Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 29/12/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống Thủy lợi Ba Veng, xã Minh Tâm, huyện Bình Long;

Căn cứ Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 21/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Hệ thống Thủy lợi Ba Veng, xã Minh Tâm, huyện Bình Long;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 379/TTr-STNMT ngày 19/8/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng công trình: Hệ thống Thủy lợi Ba Veng, xã Minh Tâm, huyện Bình Long, cụ thể như sau:

1. Khối lượng thực hiện :

- Diện tích kiểm kê: Khoảng 57,61 ha.
- Số hộ dự kiến kiểm kê: 72 hộ.
- Thời gian thực hiện: Dự kiến 25 ngày.

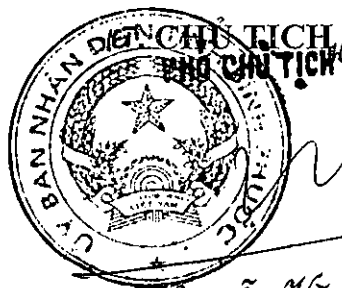
2. Tổng dự toán kinh phí: 79.410.500 đồng (Bảy mươi chín triệu, bốn trăm mười ngàn, năm trăm đồng).

(Có bảng dự toán chi phí chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các ông/bà Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Long và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như điều 2;
- LĐVP, PTCD, CV: Luân;
- Lưu: VT(L109-09stc).



Nguyễn Văn Lợi

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC GPMB
CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG THỦY LỢI BA VENG

(Kèm theo Quyết định số **2388** /QĐ-UBND ngày **26** / **8** /2009 của UBND tỉnh)

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
I	Giai đoạn trước khi thực hiện kiểm kê (từ lúc thông báo quy hoạch đến khi thực hiện kiểm kê)				6.912.000
1	Phụ cấp cán bộ địa phương kiểm tra, rà soát hiện trạng khu vực GPMB từ khi có thông báo quy hoạch đến lúc thực hiện kiểm kê (dự kiến trong thời gian 2 tháng): 3 người x 60 ngày	công	180	30.000	5.400.000
2	Xăng xe cho cán bộ địa phương từ UBND xã --> công trình (3 người x 15km x 2 lượt đi về x 60 ngày x 0,02 l/km)	lít	108	14.000	1.512.000
II	Giai đoạn điều tra lập phương án bồi thường tổng thể:				5.062.000
1	Chi phí Photo phiếu điều tra, giấy A4 (72 hộ x 3bản/hộ x 2 tờ/bản)	tờ	432	500	216.000
2	Họp triển khai kế hoạch điều tra lập PABT tổng thể: 1ngày	cuộc	1	500.000	500.000
3	Chi giao liên xã(phát giấy mời):	lần	1	200.000	200.000
4	Phụ cấp công điều tra thực địa:				
	- Phụ cấp công: Ban(2ng) + xã(1ng) + 2 ấp(2ng) (5 người x 5 ngày)	công	25	70.000	1.750.000
	- Chi phí đi lại điều tra (xe ôm): (5 người x 5 ngày)	ngày	25	50.000	1.250.000
	- Chi phí thuê chỗ ở: (1 người Ban QLDA x 5 đêm)	đêm	5	50.000	250.000
	- Xăng xe máy từ Đồng Xoài -> các xã cho CB Ban (1 chuyến x 80km x 2lượt đi về x 0,04 l/km)	lít	6	14.000	89.600
5	Kiểm tra phiếu điều tra, tính toán lập dự toán và lập phương án (2 người x 3ngày)	công	6	70.000	420.000
6	Chi phí xăng xe ôtô 7 chỗ (1 chuyến x 80km x 0,22 l/km)	lít	17,6	14.000	246.400
7	Chi phí trích lục bản đồ địa chính (2 người)	công	2	70.000	140.000
III	Giai đoạn kiểm kê bồi thường (1 + 2+ 3 + 4 + 5 + 6+7)				67.436.500
1	Chi phí văn phòng phẩm, dụng cụ, hội nghị ...				10.782.900
1.1	Chi phí in ấn tài liệu				480.000
	- In mẫu biên bản kiểm kê (01 bản/hộ, mỗi bản 1 tờ, khổ A3, in 2 mặt)	tờ	80	1.000	80.000
	- In bản kê khai, áp giá bồi thường (02 bản/hộ, mỗi bản 2 tờ, khổ A4, in 2 mặt)	tờ	320	500	160.000
	- In thông báo (dự kiến 3 lần): mời kiểm kê, phát BB áp giá, trả tiền bồi thường, mẫu xác minh nguồn gốc đất, khổ A4, 2 mặt	tờ	480	500	240.000
1.2	Chi phí Photo tài liệu				3.493.000
	- Photo mẫu biên bản kiểm kê A3 (72 hộ x 6 tờ/hộ)	tờ	432	1.000	432.000
	- Photo mẫu kê khai, áp giá BT khổ A4 (72 hộ x 6 bản/hộ x 2 tờ/bản)	tờ	864	300	259.200
	- Photo hồ sơ áp giá phát cho dân, xã tham khảo (72 hộ x 2 bản/hộ x 2 tờ/bản)	tờ	288	300	86.400
	- Photo sổ đỏ hoặc đơn xác nhận, CMND, sổ HK... (72 hộ x 6 bản/hộ x 6 tờ/bản A4)	tờ	2.592	300	777.600
	- Photo giấy tờ khác: HD điện thoại, điện kế ... (dự kiến có 10 hộ x 6 bản/hộ x 6 tờ/bản)	tờ	360	300	108.000

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	- Photo phương án bồi thường	bộ	7	50.000	350.000
	- Photo bản đồ giải thửa A ₀	tờ	7	15.000	105.000
	- Photo chính sách phát cho dân hợp triển khai TB QH	tờ	2.700	300	810.000
	- Photo phiếu chi tiền đền bù phục vụ quyết toán (3 tờ/hộ x 72 hộ)	tờ	216	300	64.800
	- Photo các quyết định, công văn có liên quan khác (dự tính)				500.000
1.3	Công cụ, dụng cụ				2.259.900
	- Thước dây 50m	cái	1	90.900	90.900
	- Dao, rửa để phát quang xịt sơn nhận ranh, móc + phát quang KK (2 cái)	cái	2	50.000	100.000
	- Sổ công tác	cuốn	10	20.000	200.000
	- Bút	cái	20	3.000	60.000
	- Máy tính cá nhân (tay)	cái	1	150.000	150.000
	- Sơn xịt đánh dấu để kiểm kê	hộp	6	30.000	180.000
	- Bao thư in sẵn của Ban: (72 hộ x 7 cái/hộ)	cái	504	500	252.000
	- Túi đựng hồ sơ cho từng hộ dân: (72 hộ x 3 cái/hộ)	cái	216	2.000	432.000
	- Giấy in ấn nội nghiệp:	gam	3	55.000	165.000
	- Ủng đi lại cho tổ chuyên viên đi kiểm kê	đôi	7	90.000	630.000
1.4	Chi phí hội họp, triển khai, tổng kết				3.750.000
	- Hội họp triển khai: thông báo qui hoạch, kế hoạch kiểm kê: 1ngày	cuộc	1	500.000	500.000
	- Hội họp tổ KK (3 lần), hội HDBT (3 lần)	cuộc	6	500.000	3.000.000
	- Nước uống hội họp, kiểm kê, áp giá	thùng	5	50.000	250.000
1.5	Chi cho giao liên xã:	lần	4	200.000	800.000
2	Phụ cấp công tác thực hiện				40.872.800
2.1	Phụ cấp công tiếp nhận ranh mốc GPMB, điều tra, điều chỉnh				1.330.000
2.1.1	Chi tiếp nhận ranh mốc (01 ngày)				910.000
	- Phụ cấp công Ban QLDA, huyện, xã, ấp (1 ngày x 7 người)	công	7	70.000	490.000
	- Chi phí đi lại nhận mốc (xe ôm): (1 ngày x 7 người)	ngày	7	50.000	350.000
	- Nhân công phát quang	công	1	70.000	70.000
2.1.2	Điều chỉnh xác định vị trí MB CT lên bản đồ giải thửa, đối chiếu tờ khai đánh dấu ghi lại số thửa				420.000
	Phụ cấp công tổ chuyên viên (3 người x 2 ngày)	công	6	70.000	420.000
2.2	Phụ cấp công thực hiện kiểm kê, điều tra, phúc tra, áp giá, lập phương án BT				39.542.800
2.2.1	Chi phụ cấp công tác kiểm kê				32.268.800
	- Phụ cấp kiểm kê Ban + huyện + xã + ấp (7 người x 25 ngày)	công	175	70.000	12.250.000
	- Chi phí đi lại kiểm kê (xe ôm): (7 người x 25 ngày)	ngày	175	50.000	8.750.000
	- Chi phí thuê chỗ ở: (2 cán bộ Ban QLDA, 4 cán bộ huyện)	đêm	150	50.000	7.500.000

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
	- Nhân công phát quang (2 người x 25 ngày)	công	50	70.000	3.500.000
	- Xăng xe máy từ Đồng Xoài -> xã cho CB Ban (3 x 2 = 6 lượt đi về x 80km x 0,02 l/km x 2 cán bộ)	lít	19,2	14.000	268.800
2.2.2	Phụ cấp công thu thập hồ sơ, tài liệu				1.104.800
	- Phụ cấp công Ban(1người)+ huyện(1ng)+ xã(1ng)+ ấp(1ng) (4 người x 2ngày)	công	8	70.000	560.000
	- Chi phí đi lại thu thập (xe ôm): (4 người x 2 ngày)	ngày	8	50.000	400.000
	- Chi phí thuê chỗ ở: (1người Ban, 1 người huyện)	đêm	2	50.000	100.000
	- Xăng xe máy từ Đồng Xoài -> xã cho CB Ban (01 chuyến x 80km x 2 x 0,02 l/km)	lít	3,2	14.000	44.800
2.2.3	Phụ cấp điều tra xác minh nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc				1.439.600
	- Phụ cấp công Ban(2người) + địa phương(3người) (5 người x 3 ngày)	công	15	70.000	1.050.000
	- Chi phí thuê chỗ ở cho cán bộ (2 người Ban, 1 người huyện) (3 người x 2 đêm)	đêm	6	50.000	300.000
	- Xăng xe máy từ Đồng Xoài -> các xã cho 02 CB Ban (2 chuyến x 80km x 2 x 0,02 l/km)	lít	6,4	14.000	89.600
2.2.4	Phụ cấp công phúc tra bao gồm: xác định cấp nhà, VKT, DT đất, ... theo đề nghị của chủ hộ				2.069.600
	- Phụ cấp công cho tổ KK (7 người x 2 ngày)	công	14	70.000	980.000
	- Chi phí đi lại phúc tra (xe ôm): (7 người x 2 ngày)	ngày	14	50.000	700.000
	- Chi phí thuê chỗ ở: 2 người Ban QLDA, 4 người huyện	đêm	6	50.000	300.000
	- Xăng xe máy từ Đồng Xoài -> xã cho 02 CB Ban (01 chuyến x 80km x 2 x 0,02 l/km)	lít	6,4	14.000	89.600
2.2.5	Chi nội nghiệp: Kiểm tra BBKK, áp giá và lập dự toán đền bù (7người x 4ngày)	công	28	70.000	1.960.000
2.2.6	Chi nội nghiệp: Tính toán các chỉ tiêu và lập PA đền bù (2 người x 5 ngày)	công	10	70.000	700.000
3	Chi phí chi trả				860.000
3.1	Phụ cấp công: Ban QLDA (03) + xã (01): 2 ngày	công	8	70.000	560.000
3.2	Thuê bảo vệ	công	2	150.000	300.000
4	Chi phí xăng xe ô tô (của Ban) 7 chỗ ngồi	lít	387,2	14.000	5.420.800
	11 chuyến gồm: 3 chuyến hợp HĐBT, 3 chuyến hợp triển khai, 2 chuyến chi trả tiền, 3 chuyến đưa đón cán bộ Ban (tiếp nhận ranh mốc, phát BB áp giá, trình PABT ...) . (11 chuyến x 2 lần đi và về x 80 km x 0,22 l/km) ..				
5	Chi phí thẩm định	hồ sơ	72,0		1.500.000
6	Chi phí giải quyết khiếu nại				2.000.000
7	Chi phí lập hồ sơ: thu hồi và chỉnh lý GCNQSD đất cho dân; lập hồ sơ xin cấp đất, giao đất để XD công trình				6.000.000
	TỔNG CỘNG (I+II+III)				79.410.500